**DỰ TRÙ KINH PHÍ**

**Đề án hỗ trợ kinh phí cho các cơ quan tư pháp,**

**Bổ trợ tư pháp giai đoạn 2019 – 2022**

*(Kèm theo Đề án …..)*

1. **CÔNG AN TỈNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Đơn giá** | **Thành tiền (đồng)** | **Tổng kinh****phí/năm** |
| **Năm 2019** | 1.000.000.000 |
| **1** | **Hỗ trợ kinh phí cho người làm công tác giám định** | 140.400.000 |
| Đối với giám định viên tư pháp: 16 người x 12 tháng | 600.000đ/người | 115.200.000 |
| Đối với người giúp việc giám định viên tư pháp: 07 người x 12 tháng | 300.000đ/người | 25.200.000 |
| **2** | **Hỗ trợ mua sắm một số phương tiện giám định, khám nghiệm hiện trường** | 300.000.000 |
| Thiết bị bơm mẫu tự động dùng cho hệ thống sắc ký khí | 300.000.000đ/bộ | 300.000.000 |
| **3** | **Chi hỗ trợ cán bộ tham gia các biện pháp điều tra như bắt, khám xét, thực nghiệm điều tra, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi** | 200.000.000 |
| 200 vụ việc/năm x 05 người | 200.000đ/người | 200.000.000 |
| **4** | **Chi bồi dưỡng họp rút kinh nghiệm, sơ kết, tổng kết điều tra, kế hoạch nghiệp vụ** | 39.600.000 |
| Chi biên tập tài liệu: 100 trang x 04 hội nghị | 25.000đ/trang | 10.000.000 |
| Chi in sao tài liệu: 100 cuốn x 04 hội nghị | 20.000đ/cuốn | 8.000.000 |
| Chi thuê hội trường, thiết bị phục vụ (loa máy, màn hình led...): 01 ngày x 04 hội nghị | 3.000.000đ/ngày | 12.000.000 |
| Chi nước uống: 01 ngày x 100 người x 04 hội nghị | 24.000đ/người | 9.600.000 |
| **5** | **Chi cho việc thu nhập tài liệu phục vụ công tác điều tra mà cơ quan điều tra không có phương tiện hoặc không có điều kiện thực hiện** | 160.000.000 |
| Thuê xe cẩu để cẩu, kéo tang vật (xe ô tô trong các vụ tai nạn giao thông): 80 vụ việc/năm | 2.000.000đ/vụ | 160.000.000 |
| **6** | **Chi khen thưởng sơ kết, tổng kết, khen thưởng đột xuất cho đơn vị, địa phương có thành tích trong điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm** | 160.000.000 |
| Tập thể: 20 đơn vị | 5.000.000đ/vụ | 100.000.000 |
| Cá nhân: 30 người | 2.000.000đ/người | 60.000.000 |
| **Năm 2020** | 1.000.000.000 |
| **1** | **Hỗ trợ kinh phí cho người làm công tác giám định** | 140.400.000 |
| Đối với giám định viên tư pháp: 16 người x 12 tháng | 600.000đ/người | 115.200.000 |
| Đối với người giúp việc giám định viên tư pháp: 07 người x 12 tháng | 300.000đ/người | 25.200.000 |
| **2** | **Hỗ trợ mua sắm một số phương tiện giám định, khám nghiệm hiện trường** | 300.000.000 |
| Hệ thống làm giàu ma túy trong nước tiểu | 300.000.000đ/bộ | 300.000.000 |
| **3** | **Chi hỗ trợ cán bộ tham gia các biện pháp điều tra như bắt, khám xét, thực nghiệm điều tra, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi** | 200.000.000 |
| 200 vụ việc/năm x 05 người | 200.000đ/người | 200.000.000 |
| **4** | **Chi bồi dưỡng họp rút kinh nghiệm, sơ kết, tổng kết điều tra, kế hoạch nghiệp vụ** | 39.600.000 |
| Chi biên tập tài liệu: 100 trang x 04 hội nghị | 25.000đ/trang | 10.000.000 |
| Chi in sao tài liệu: 100 cuốn x 04 hội nghị | 20.000đ/cuốn | 8.000.000 |
| Chi thuê hội trường, thiết bị phục vụ (loa máy, màn hình led...): 01 ngày x 04 hội nghị | 3.000.000đ/ngày | 12.000.000 |
| Chi nước uống: 01 ngày x 100 người x 04 hội nghị | 24.000đ/người | 9.600.000 |
| **5** | **Chi cho việc thu nhập tài liệu phục vụ công tác điều tra mà cơ quan điều tra không có phương tiện hoặc không có điều kiện thực hiện** | 160.000.000 |
| Thuê xe cẩu để cẩu, kéo tang vật (xe ô tô trong các vụ tai nạn giao thông): 80 vụ việc/năm | 2.000.000đ/vụ | 160.000.000 |
| **6** | **Chi khen thưởng sơ kết, tổng kết, khen thưởng đột xuất cho đơn vị, địa phương có thành tích trong điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm** | 160.000.000 |
| Tập thể: 20 đơn vị | 5.000.000đ/vụ | 100.000.000 |
| Cá nhân: 30 người | 2.000.000đ/người | 60.000.000 |
| **Năm 2021** | 1.000.000.000 |
| **1** | **Hỗ trợ kinh phí cho người làm công tác giám định** | 140.400.000 |
| Đối với giám định viên tư pháp: 16 người x 12 tháng | 600.000đ/người | 115.200.000 |
| Đối với người giúp việc giám định viên tư pháp: 07 người x 12 tháng | 300.000đ/người | 25.200.000 |
| **2** | **Hỗ trợ mua sắm một số phương tiện giám định, khám nghiệm hiện trường** | 300.000.000 |
| Thiết bị phục vụ công tác giám định chứng cứ điện tử | 300.000.000đ/bộ | 300.000.000 |
| **3** | **Chi hỗ trợ cán bộ tham gia các biện pháp điều tra như bắt, khám xét, thực nghiệm điều tra, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi** | 200.000.000 |
| 200 vụ việc/năm x 05 người | 200.000đ/người | 200.000.000 |
| **4** | **Chi bồi dưỡng họp rút kinh nghiệm, sơ kết, tổng kết điều tra, kế hoạch nghiệp vụ** | 39.600.000 |
| Chi biên tập tài liệu: 100 trang x 04 hội nghị | 25.000đ/trang | 10.000.000 |
| Chi in sao tài liệu: 100 cuốn x 04 hội nghị | 20.000đ/cuốn | 8.000.000 |
| Chi thuê hội trường, thiết bị phục vụ (loa máy, màn hình led...): 01 ngày x 04 hội nghị | 3.000.000đ/ngày | 12.000.000 |
| Chi nước uống: 01 ngày x 100 người x 04 hội nghị | 24.000đ/người | 9.600.000 |
| **5** | **Chi cho việc thu nhập tài liệu phục vụ công tác điều tra mà cơ quan điều tra không có phương tiện hoặc không có điều kiện thực hiện** | 160.000.000 |
| Thuê xe cẩu để cẩu, kéo tang vật (xe ô tô trong các vụ tai nạn giao thông): 80 vụ việc/năm | 2.000.000đ/vụ | 160.000.000 |
| **6** | **Chi khen thưởng sơ kết, tổng kết, khen thưởng đột xuất cho đơn vị, địa phương có thành tích trong điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm** | 160.000.000 |
| Tập thể: 20 đơn vị | 5.000.000đ/vụ | 100.000.000 |
| Cá nhân: 30 người | 2.000.000đ/người | 60.000.000 |
| **Năm 2022** | 1.000.000.000 |
| **1** | **Hỗ trợ kinh phí cho người làm công tác giám định** | 140.400.000 |
| Đối với giám định viên tư pháp: 16 người x 12 tháng | 600.000đ/người | 115.200.000 |
| Đối với người giúp việc giám định viên tư pháp: 07 người x 12 tháng | 300.000đ/người | 25.200.000 |
| **2** | **Hỗ trợ mua sắm một số phương tiện giám định, khám nghiệm hiện trường** | 300.000.000 |
| Thiết bị phục vụ công tác giám định chứng cứ điện tử | 300.000.000đ/bộ | 300.000.000 |
| **3** | **Chi hỗ trợ cán bộ tham gia các biện pháp điều tra như bắt, khám xét, thực nghiệm điều tra, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi** | 200.000.000 |
| 200 vụ việc/năm x 05 người | 200.000đ/người | 200.000.000 |
| **4** | **Chi bồi dưỡng họp rút kinh nghiệm, sơ kết, tổng kết điều tra, kế hoạch nghiệp vụ** | 39.600.000 |
| Chi biên tập tài liệu: 100 trang x 04 hội nghị | 25.000đ/trang | 10.000.000 |
| Chi in sao tài liệu: 100 cuốn x 04 hội nghị | 20.000đ/cuốn | 8.000.000 |
| Chi thuê hội trường, thiết bị phục vụ (loa máy, màn hình led...): 01 ngày x 04 hội nghị | 3.000.000đ/ngày | 12.000.000 |
| Chi nước uống: 01 ngày x 100 người x 04 hội nghị | 24.000đ/người | 9.600.000 |
| **5** | **Chi cho việc thu nhập tài liệu phục vụ công tác điều tra mà cơ quan điều tra không có phương tiện hoặc không có điều kiện thực hiện** | 160.000.000 |
| Thuê xe cẩu để cẩu, kéo tang vật (xe ô tô trong các vụ tai nạn giao thông): 80 vụ việc/năm | 2.000.000đ/vụ | 160.000.000 |
| **6** | **Chi khen thưởng sơ kết, tổng kết, khen thưởng đột xuất cho đơn vị, địa phương có thành tích trong điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm** | 160.000.000 |
| Tập thể: 20 đơn vị | 5.000.000đ/vụ | 100.000.000 |
| Cá nhân: 30 người | 2.000.000đ/người | 60.000.000 |

**Bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn./.**

**II. VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **ĐƠN GIÁ** | **THÀNH TIỀN (đồng)** | **Căn cứ hỗ trợ** |
| **1** | Hỗ trợ để tổ chức các cuộc họp liên ngành, giao ban các cơ quan tiến hành tố tụng theo nhiệm vụ Ban Nội chính Tỉnh ủy giao; hổ trợ để giải quyết các vụ án điểm, án rút gọn... (do Viện kiểm sát chủ trì hàng tháng, hàng quý và năm)  |  | 60.000.000 | Thông tư số 40/2017 của Bộ Tài chính, quy định chế độ công tác phí, chế độ Hội nghị; Thông tư Liên tịch số 01/2007/TTLT ngày 31/01/2007, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 241/2006 của Thủ tướng Chính phủ, về việc quy định chế độ bồi dưỡng phiên tòa; Công văn 3336/VKSTC-V11 ngày 22/10/2008, hướng dẫn sử dụng kinh phí cho hoạt động điều tra tội phạm và trợ cấp nhân chứng. Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14/8/2014, quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng. |
| 2 | Kinh phí hỗ trợ tham gia xét xử các vụ án rút kinh nghiệm, xét xử các vụ án lưu động, các vụ án điểm, án thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo...  |  | 60.000.000  |
|  | Kinh phí hỗ trợ cho công tác xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ phục vụ cho các hoạt động kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính, vụ, việcdân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại... |  | 30.000.000  |
| 3 | Kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, trưng cầu giám định... trong hoạt động Kiểm sát điều tra; nhằm phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử được khách quan, đúng quy định; góp phần có hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn |  | 40.000.000 |
| **4** | Kinh phí hổ trợ thêm để mua sắm một số trang thiết bị phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử (như máy ghi âm phục vụ cho hoạt động phúc cung, hỏi cung...)  |  | 30.000.000 |
| **5** | Kinh phí hỗ trợ cho việc kiểm tra, xác minh, thu thập tài liệu phục vụ cho công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tư pháp và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan tư pháp; phối hợp với các cơ quan hữu quan tiếp công dân và tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy, Ban nội chính Tỉnh ủy giải quyết các đơn khiếu nại, tố cáo phức tạp, khiếu nại nhiều lần... |  | 50.000.000  |
| ***6*** | Kinh phí hỗ trợ trong việc phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tiến hành kiểm tra, giám sát hoạt động bắt, tạm giữ, tạm giam, thi hành phạt tù, thi hành án dân sự, thi hành án treo, cải tạo không giam giữ và tiếp nhận, xử lý tố giác tin báo về tội phạm theo Quy chế phối hợp (mỗi năm VKS 2 cấp tiến hành trực tiếp kiểm sát 42 lần tại Nhà tạm giữ, Trại tạm giam và Trại giam; 51 lần tại UBND xã, phường, thị trấn; 29 điểm tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm...) |  | 70.000.000  |
| ***7*** | Kinh phí hỗ trợ trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhân dân; tổ chức tập huấn, hội thảo...  |  | 30.000.000  |
| **Cộng:** | **370.000.000 đồng/01năm** |  |
| **Tổng cộng : 4 năm x 370.000.000 đồng/01 năm**  | **1.480.000.000 đồng** |  |

**( Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm tám mươi triệu đồng)**

**III. TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG**  | **ĐƠN GIÁ**  | **THÀNH TIỀN** (đồng) | **Căn cứ hỗ trợ** |
| **1** | Tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm (Thẩm phán chủ tọa, Thẩm phán thành viên, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, Nhân chứng, Luật sư chỉ định, phiên dịch và các chi khác), một năm xét xử khoảng 50 vụ, bình quân 1.000.000 đồng/vụ: 50 vụ x 1.000.000 đ/vụ  |  | 50.000.0000 | Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 quy định chế độ người tham gia phiên tòa, phiên họp. |
| 2 | Hoạt động thu thập chứng cứ trong một số vụ án dân sự, kinh doanh- thương mại, hôn nhân gia đình, lao động, hành chính như: Thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trưng cầu giám định, lấy lời khai của đương sự…; các hoạt động cấp tống đạt các văn bản tố tụng, mỗi năm khoảng 400 vụ, bình quân 300.000 đồng/vụ: 400 vụ x 300.000đ/vụ  |  | 120.000.000 | - Thông tư số 40/2017 của Bộ Tài chính, quy định chế độ công tác phí, chế độ Hội nghị.- Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 quy định chế độ người tham gia phiên tòa, phiên họp.- Công văn số 16588/CVLT-BTC-TANDTC ngày 28/11/2012 về việc hỗ trợ kinh phí hoạt động cho TAND từ nguồn ngân sách địa phương. |
| 3 | **Phiên tòa xét xử lưu động, khoảng 100 vụ/năm, chi phí bình quân mỗi vụ 1.000.000đ/vụ x 100 vụ** |  | 100.000.000 | - Thông tư số 40/2017 của Bộ Tài chính, quy định chế độ công tác phí, chế độ Hội nghị.- Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 quy định chế độ người tham gia phiên tòa, phiên họp. |
| 4 | Hỗ trợ xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, vụ án thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo mỗi năm khoảng 10 vụ, bình quân 5.000.000 đồng/vụ: 10 vụ x 5.000.000đồng/vụ  |  | 50.000.000 | - Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 quy định chế độ người tham gia phiên tòa, phiên họp. |
| **5** | Hỗ trợ một phần kinh phí thi hành án tử hình, mỗi năm khoảng 2 trường hợp, bình quân 5.000.000đồng/trường hợp: 5.000.000đồng/trường hợp x 2 trường hợp  |  | 10.000.000  | Thông tư số 40/2017 của Bộ Tài chính, quy định chế độ công tác phí, chế độ Hội nghị.- Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 quy định chế độ người tham gia phiên tòa, phiên họp. |
| **6** | Hỗ trợ trong việc phối hợp với Viện kiểm sát, Trại tạm giam Công an tỉnh về công tác thi hành án phạt tù (gồm xét miển, giảm thi hành án và công tác thi hành án treo, cải tạo không giam giữ |  | 70.000.000 | - Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 quy định chế độ người tham gia phiên tòa, phiên họp- Thông tư số 40/2017 của Bộ Tài chính, quy định chế độ công tác phí, chế độ Hội nghị- Căn cứ kế hoạch công tác năm |
| **7** | Công tác thi đua, khen thưởng |  | 20.000.000  | Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định thi hành Luật thi đua khen thưởng. |
| **Cộng:** | **420.000.000**  |  |
| **Tổng cộng: 4 năm x 420.000.000đ/năm** | **1.680.000.000** |  |

**(Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng chẵn.)**

**IV. CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG**  | **ĐƠN GIÁ**  | **THÀNH TIỀN****(**đồng) | **Căn cứ hỗ trợ** |
| **1** | Chi các hoạt động phối hợp thi hành án  |  | 397.000.000  | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác thi hành án dân sự- Công văn số 17558/CVLB-BTC-BTP ngày 19 tháng 12 năm 2012 của liên bộ: Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp về việc hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cơ quan thi hành án từ ngân sách địa phương |
| **2** | Chi tổng kết công tác năm và khen thưởng |  | 11.700.000  |
|  | **Cộng:** | **408.700.000đ/01năm**  |  |
|  | **Tổng cộng: 4 năm x 408.700.000đ/ 01 năm**  | **1.634.800.000**  |  |

**(Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm ba mươi tư triệu, tám trăm nghìn đồng).**

**V. ĐOÀN LUẬT SƯ TỈNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG**  | **ĐƠN GIÁ**  | **THÀNH TIỀN****(**đồng) | **Căn cứ hỗ trợ** |
| **1** | Chi tham gia bào chữa án hình sự do cơ quan có thẩm quyền chỉ định  | **1.200.000đ/vụ X 60 vụ**  | 72.000.000 |  |
| **2** | Chi khác  |  | 8.000.000  |
|  | **Cộng:** | **80.000.000đ/01năm**  |  |
|  | **Tổng cộng: 4 năm x 80.000.000đ/ 01 năm**  | **320.000.000**  |  |

**(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn)**

**Tổng cộng: I + II + III + IV + V = 4.000.000.000 + 1.480.000.000 + 1.680.000.000 + 1.634.800.000 + 320.000.000 = 9.114.800.000đ**

***(Chín tỷ, một trăm mười bốn triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn)***